

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ QUAO  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DS-ST  
Ngày: 20-5-2021  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Danh Thị Kiều Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Đào

Ông Nguyễn Thành Thật

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP K;

Trụ sở chính: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Tuấn A: Bà Lê Thụy Thủy T (theo Quyết định ủy quyền số 1418/QĐ-NHKL), chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Rạch Giá.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thụy Thủy T là ông Lâm Văn T1 (theo Quyết định ủy quyền số 216/UQ-CNRG), chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch huyện Gò Quao – Ngân hàng TMCP K.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Lâm Văn T1 là ông Nguyễn Thành N (theo Quyết định ủy quyền số 56/UQ-PGDGQ), chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Phòng giao dịch Gò Quao (có mặt).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Bà Võ Thị C, sinh năm 1950 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Thái Văn T2, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt);

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt).  
Cùng địa chỉ: ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K – Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành N trình bày:*

Vào ngày 02/3/2019, Ngân hàng TMCP K có cho bà Võ Thị C, ông Nguyễn Văn N1 vay số tiền 30.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 393/19/HĐTD/1011-8324, ngày 02/3/2019 và Hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số 1264/2017/HĐNT/1011-0861, ngày 14/6/2017, mục đích vay là sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi, thời hạn vay là 12 tháng; ngày giải ngân 02/3/2019; ngày đến hạn 02/3/2020; lãi suất trong hạn 14%/năm (lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K cộng thêm 3,8%/tháng); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; hình thức thanh toán: lãi và vốn vay được trả vào ngày đến hạn của hợp đồng.

Tài sản bà C, ông N1 thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1264/2017/HĐTC-BDS/1011-0861, ngày 14/6/2017 là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BN 672161, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00352, diện tích 2.780m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ số 4, thửa số 523, đất tọa lạc tại ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 06/5/2013 do bà Võ Thị C đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà C, ông N1 chưa có đóng lãi cũng không thanh toán nợ gốc cho ngân hàng. Ngân hàng TMCP K đã nhiều lần đơn đốc nhắc nhở cũng như tạo điều kiện cho bà C, ông N1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà vẫn không có thiện chí thực hiện. Tính đến ngày 20/5/2021, bà C, ông N1 còn nợ Ngân hàng TMCP K tổng số tiền 42.387.372đ, trong đó: gốc là 30.000.000đ, lãi trong hạn 4.211.507đ, lãi quá hạn là 7.663.562đ, lãi phạt chậm trả lãi 512.304đ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N1, bà C phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 20/5/2021 là 42.387.372đ, trong đó: gốc là 30.000.000đ, lãi trong hạn 4.211.507đ, lãi quá hạn là 7.663.562đ, lãi phạt chậm trả lãi 512.304đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp, ông N1, bà C không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

*\* Tại Biên bản ghi lời khai ngày 22/12/2020 và Biên bản hòa giải ngày 25/02/2021 bị đơn bà Võ Thị C trình bày:*

Bà C thừa nhận bà cùng với chồng là ông Nguyễn Văn N1 có ký kết với Ngân hàng TMCP K Hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số 1264/2017/HĐNT/1011-0861, ngày 14/6/2017 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn

số 393/19/HĐTD/1011-8324, ngày 02/3/2019 vay số tiền 30.000.000đ để trồng tiêu. Đồng thời, ông bà có ký kết với Ngân hàng TMCP K Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1264/2017/HĐTC-BDS/1011-0861, ngày 14/6/2017 để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nêu trên, tài sản thế chấp gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà C đứng tên theo nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng. Bà C thừa nhận việc thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nêu trên là hoàn toàn tự nguyện trên cơ sở nhu cầu vay vốn và đã được giải ngân đúng theo hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, từ ngày vay cho đến nay ông bà vẫn không trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho phía Ngân hàng đúng hạn. Bà C đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 30.000.000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Nhưng do làm ăn thất bại, bà không có khả năng trả đủ một lần cho ngân hàng được nên xin trả dần 06 tháng trả 10.000.00đ cho đến khi hết nợ.

Ngoài ra, bà C còn trình bày, một phần tài sản ông bà đang thế chấp cho ngân hàng hiện nay đang cầm cố cho vợ chồng ông Thái Văn T2, bà Nguyễn Thị Th (ở cùng ấp) diện tích 01 công vào năm 2019 (nằm ở lưng phía sau hè để trồng cỏ) với giá 15.000.000đ, thời hạn cố 03 năm, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm giấy tờ gì. Phần còn lại thì bà đang trực tiếp sử dụng.

*Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N1 không có mặt tại phiên tòa:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng ông N1 không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

*\* Tại Biên bản ghi lời khai ngày 28/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn T2, bà Nguyễn Thị Th trình bày:*

Vào năm 2019, ông bà có nhận cố của bà Võ Thị C, ông Nguyễn Văn N1 diện tích 01 công đất biên (nằm phía sau nhà bà C) để trồng cỏ, đất tọa lạc tại ấp 7, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc với giá 15.000.000đ, thời hạn cố 03 năm, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm giấy tờ gì; hiện nay ông, bà đang canh tác đất.

Nay, Ngân hàng TMCP K khởi kiện bà Võ Thị C, ông Nguyễn Văn N1 có liên quan đến phần đất ông, bà đang nhận cố thì ông, bà với ông N1, bà C sẽ tự thỏa thuận với nhau nên anh chị không yêu cầu độc lập trong vụ kiện này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì ông bà sẽ khởi kiện vợ chồng bà C bằng 01 vụ kiện dân sự khác.

***Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký, các bên đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K buộc ông N1, bà C phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 20/5/2021 là 42.387.372đ, trong đó: gốc là 30.000.000đ, lãi trong hạn

4.211.507đ, lãi quá hạn là 7.663.562đ, lãi phạt chậm trả lãi 512.304đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Nếu ông N1, bà C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:** Ngân hàng TMCP K khởi kiện ông Nguyễn Văn N1, bà Võ Thị C đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông N1, bà C phải thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết vì ông N1, bà C đã vi phạm thời hạn trả nợ. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Ông N1 với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bà C, ông T2, bà Th đều có đơn xin xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

**[2] Về nội dung:** Vào ngày 14/6/2017, giữa Ngân hàng TMCP K với ông Nguyễn Văn N1, bà Võ Thị C có ký kết Hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số 1264/2017/HĐNT/1011-0861, ngày 14/6/2017. Đến ngày 02/3/2019, hai bên tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 393/19/HĐTD/1011-8324, ngày 02/3/2019, theo đó: Ngân hàng TMCP K cho ông N1, bà C vay số tiền gốc 30.000.000đ; mục đích vay là sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi, thời hạn vay là 12 tháng; ngày giải ngân 02/3/2019; ngày đến hạn 02/3/2020; lãi suất trong hạn 14%/năm (lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K cộng thêm 3,8%/tháng); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; hình thức thanh toán: lãi và vốn vay được trả vào ngày đến hạn của hợp đồng. Xét, Hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số 1264/2017/HĐNT/1011-0861, ngày 14/6/2017 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 393/19/HĐTD/1011-8324, ngày 02/3/2019 giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, từ ngày vay đến nay, ông N1, bà C không trả đủ tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Do đó, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

**[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K buộc ông N1, bà C phải trả cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 20/5/2021 là 42.387.372đ, trong đó: gốc là 30.000.000đ, lãi trong hạn 4.211.507đ, lãi quá hạn là 7.663.562đ, lãi phạt chậm trả lãi 512.304đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có cơ sở. Xét thấy, cách tính tiền lãi của Ngân hàng TMCP K đúng với Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 393/19/HĐTD/1011-8324, ngày 02/3/2019, phù hợp với Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.**

[4] Xét yêu cầu của bị đơn bà C thừa nhận vợ chồng bà có vay tiền ngân hàng và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Bà C đồng ý trả cho ngân hàng số tiền vay gốc 30.000.000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, bà C cho rằng do làm ăn thất bại, bà không có khả năng trả đủ một lần cho ngân hàng được nên xin trả dần 06 tháng trả 10.000.000đ cho đến khi hết nợ nhưng không được Ngân hàng TMCP K đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N1 sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy, ông N1 chồng bà C nên Tòa án căn cứ khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thực hiện việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng liên quan đến ông N1 giao cho bà C ký nhận thay đầy đủ các thủ tục nhưng ông N1 vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình liên quan đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của ông N1.

[5] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1264/2017/HĐTC-BĐS/1011-0861, ngày 14/6/2017 được công chứng số 1362, quyền số IV TP/CC-SCT/HĐGD tại Văn phòng công chứng Nguyễn Trung Kiên vào ngày 14/6/2017 thể hiện: Bên thế chấp là ông Nguyễn Văn N1, bà Võ Thị C, bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP K; tài sản bảo đảm gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BN 672161, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00352, diện tích 2.780m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ số 4, thửa số 523, đất tọa lạc tại ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 06/5/2013 do bà Võ Thị C đứng tên. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận ký kết hợp đồng thế chấp của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại các Điều 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 167 Luật Đất đai 2013 nên cần duy trì để bảo đảm thi hành án.

Qua thẩm tra, xác minh tại địa phương cũng như lời trình bày của bà C cho thấy một phần tài sản ông N1, bà C đang thế chấp cho ngân hàng hiện nay đang cầm cố cho vợ chồng ông Thái Văn T2, bà Nguyễn Thị Th. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn T2, bà Nguyễn Thị Th đã được Tòa án thông báo về quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ kiện nhưng cho rằng sẽ tự thỏa thuận với ông N1, bà C và không có yêu cầu độc lập trong vụ kiện này nên không xem xét. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp được quyền khởi kiện thành một vụ kiện dân sự khác.

Do vậy, trong trường hợp ông N1, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng TMCP K thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông N1, bà C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch trong tổng số tiền phải trả là:  $42.387.372đ \times 5\% = 2.119.368đ$  làm tròn số 2.119.000đ do bà có lỗi trong vụ kiện này. Nhưng xét ông N1, bà C là hộ cận nghèo và có

đơn xin miễn tiền án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận miễn nộp 100% số tiền án phí phải nộp cho ông N1, bà C.

Ngân hàng TMCP K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 167 Luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K.

**Buộc:** ông Nguyễn Văn N1, bà Võ Thị C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền 42.387.372đ (bốn mươi hai triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi hai đồng), trong đó: gốc là 30.000.000đ, lãi trong hạn 4.211.507đ, lãi quá hạn là 7.663.562đ và lãi phạt chậm trả lãi 512.304đ.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N1, bà C chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi từ tính từ ngày 21/5/2021 theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ông N1, bà C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có nghĩa vụ hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BN 672161, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00352 đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1264/2017/HĐTC-BDS/1011-0861, ngày 14/6/2017 cho ông N1, bà C.

Trong trường hợp ông N1, bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1264/2017/HĐTC-BDS/1011-0861, ngày 14/6/2017 gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BN 672161, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00352, diện tích 2.780m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ số 4, thửa số 523, đất tọa lạc tại ấp 7, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện Gò Quao cấp ngày 06/5/2013 do bà Võ Thị C đứng tên.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Miễn nộp án phí dân sự có giá ngạch cho ông Nguyễn Văn N1, bà Võ Thị C.

Ngân hàng TMCP K không phải nộp án phí và được nhận lại số tiền 972.000đ (chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009629 ngày 16/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**3.** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/5/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Danh Thị Kiều Oanh**